

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5329 / BNN-CN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019

V/v tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

ĐI NÔNG NGHIỆP & PTNT AN GIANG

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Số:.....
Ngày: 05/7/2019

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 18/6/2019 của Chính phủ về việc triển khai một số giải pháp cấp bách trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019; để phòng chống bệnh DTLCP, Bộ Nông nghiệp và PTNT khuyến cáo một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) như sau:

A. TĂNG CƯỜNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT TỔNG HỢP VỀ AN TOÀN SINH HỌC ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI LỢN NÔNG HỘ ĐỂ PHÒNG, CHỐNG BỆNH DTLCP

1. Yêu cầu về chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi

1.1. Kiểm soát chặt chẽ người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, phòng bệnh. Có lưới bao xung quanh chuồng nuôi và biện pháp khác ngăn chặn côn trùng và vật chủ trung gian khác truyền bệnh (chuột, chim, ruồi, muỗi...).

1.2. Tại lối ra vào chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng, thay bảo hộ lao động cho người ra, vào khu vực chăn nuôi;

1.3. Nên có ô chuồng nuôi cách ly: nuôi lợn mới nhập hoặc nuôi lợn bị bệnh;

1.4. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải;

1.5. Nếu có điều kiện thì nuôi theo phương pháp cách ô (mỗi ô chuồng có khoảng trống 0,8-1m) để giảm thiểu lợn giữa các ô chuồng tiếp xúc với nhau.

1.6. Không sử dụng chung dụng cụ chăn nuôi giữa các chuồng.

1.7. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải ô chuồng nào thoát riêng ô chuồng đó ra đường thoát nước chung.

2. Yêu cầu về con giống

Lợn nhập về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh. Đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy kiểm dịch. Trước khi nhập đàn, nuôi cách ly ít nhất 2 tuần.

3. Thức ăn và nước uống

3.1. Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không bị hỏng, mốc và còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Trường hợp sử dụng thức ăn tận dụng phải được xử lý nhiệt trước khi cho ăn. Không sử dụng thức ăn thừa trong máng ăn của đàn lợn đã xuất chuồng và thức ăn của đàn lợn đã bị dịch bệnh cho đàn lợn mới.

3.2. Nguồn nước cho chăn nuôi lợn phải đảm bảo an toàn.

3.3. Nên bổ sung chế phẩm sinh học trong thức ăn để tăng khả năng tiêu hóa, sức đề kháng cho lợn.

4. Chăm sóc, nuôi dưỡng

4.1. Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: dẫy chuồng, ô chuồng.

4.2. Có quy trình chăn nuôi phù hợp với từng loại lợn theo các giai đoạn sinh trưởng, phát triển.

4.3. Nên áp dụng phương thức nuôi khô, không sử dụng nước tắm cho lợn. Sử dụng các chế phẩm sinh học trong nước uống, dọn chuồng và định kỳ phun sương trong chuồng nuôi theo hướng dẫn của nhà sản xuất để tăng cường phòng, chống dịch.

5. Vệ sinh chăn nuôi và kiểm soát người ngoài ra, vào chuồng nuôi.

5.1. Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào khu vực chuồng nuôi.

5.2. Trước và sau khi vào, ra khu chăn nuôi phải thay bảo hộ lao động, sát trùng tay, nhúng ủng hoặc giày, dép vào hồ khử trùng.

5.3. Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng.

5.4. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên lợn ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

5.5. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

5.6. Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày. Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên.

5.7. Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn vào nuôi. Trong trường hợp chuồng bị dịch, nếu tái đàn nên để trống chuồng ít nhất 30 ngày và được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

6. Kiểm soát phương tiện vận chuyển, trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi

Không để các phương tiện như xe máy, xe đạp, xe đẩy, xe thồ... trong khu chuồng nuôi lợn.

6.1. Phương tiện vận chuyển trước và sau khi vào chuồng nuôi phải được khử trùng, tiêu độc. Đặc biệt, không để phương tiện vận chuyển của thương lái, phương tiện vận chuyển thức ăn đến khu vực nuôi lợn. Phương tiện vận chuyển phải dừng ở bên ngoài để vệ sinh, sát trùng, tiêu độc và sử dụng xe nội bộ của khu chuồng nuôi để vận chuyển.

6.2. Nên có phương tiện vận chuyển chuyên dụng, trường hợp dùng chung thì phải vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trước khi sử dụng.

7. Xử lý chất thải chăn nuôi

7.1. Chất thải được gom để xử lý phải để cuối chuồng, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước.

7.2. Chất thải phải được thu gom hàng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý bằng nhiệt, hoặc bằng hoá chất, hoặc xử lý bằng sinh học phù hợp. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài phải được xử lý đảm bảo vệ sinh theo quy định hiện hành của thú y.

7.3. Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Chất thải lỏng phải được xử lý bằng hoá chất hoặc bằng phương pháp xử lý sinh học phù hợp.

8. Quản lý dịch bệnh

8.1. Có quy trình phòng bệnh phù hợp từng loại lợn và thực hiện đúng quy trình. Trong trường hợp có dịch, phải khai báo chính quyền địa phương và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về phòng, chống dịch.

8.2. Cách ly lợn ốm để có biện pháp xử lý kịp thời, ngừng xuất lợn giống và kiểm soát chặt việc xuất sản phẩm, vật tư trong khu chăn nuôi lợn ra ngoài theo quy định.

8.3. Khi xảy ra dịch tại ô chuồng hay cả chuồng cần tiêu độc, khử trùng tại chỗ:

- Cần che bạt, bao vây kín ô chuồng hoặc cả chuồng, với lợn nuôi con loại ngay nái và toàn bộ lợn con, đối với các loại lợn khác loại toàn bộ ô chuồng hoặc cả chuồng nếu dịch xảy ra cả chuồng hoặc cả ô chuồng.

- Lợn bệnh phải tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Không rửa ngay ô chuồng hoặc chuồng lợn bị bệnh, tiến hành che bạt, bao vây kín, phun chất sát trùng đẫm gấp 2 lần bình thường liên tục 3-4 ngày,

sau đó rửa lại bằng nước sạch, tránh làm bắn nước sang ô chuồng hoặc chuồng kế bên, tiếp tục phun sát trùng 2-3 ngày.

8.4. Bao bì, dụng cụ đựng thức ăn của đàn lợn bị dịch bệnh phải được tiêu độc, khử trùng.

8.5. Thực hiện ghi chép và lưu giữ nhật ký chăn nuôi.

B. TĂNG CƯỜNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT TỔNG HỢP VỀ AN TOÀN SINH HỌC ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI LỢN TRANG TRẠI ĐỂ PHÒNG, CHỐNG BỆNH DTLCP

1. Yêu cầu về chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi

1.1. Kiểm soát chặt chẽ người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, phòng bệnh. Có lưới bao xung quanh chuồng nuôi và biện pháp khác ngăn chặn côn trùng và vật chủ trung gian khác truyền bệnh (chuột, chim, ruồi, muỗi...).

1.2. Cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng.

1.3. Chuồng nuôi lợn phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất.

1.4. Nếu có điều kiện thì nuôi theo phương pháp cách ô (mỗi ô chuồng có khoảng trống 0,8-1m) để giảm thiểu lợn giữa các ô chuồng tiếp xúc với nhau.

1.5. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải;

1.6. Có máng ăn riêng từng ô chuồng; không sử dụng chung dụng cụ chăn nuôi giữa các dãy chuồng và tốt nhất là riêng biệt giữa các ô chuồng.

1.7. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải ô chuồng nào thoát riêng ô chuồng đó ra đường thoát nước chung.

2. Yêu cầu về con giống

Lợn được nhập về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh, phải có bản công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo. Đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy kiểm dịch. Trước khi nhập đàn, lợn phải được nuôi ở khu nuôi cách ly ít nhất 2 tuần.

3. Thức ăn và nước uống

3.1. Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không bị hỏng, mốc, còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn.

3.2. Không sử dụng thức ăn thừa trong máng ăn của đàn lợn đã xuất chuồng và thức ăn của đàn lợn đã bị dịch bệnh cho đàn lợn mới.

3.3. Nên bổ sung chế phẩm sinh học trong thức ăn để tăng cường sức đề kháng cho lợn.

3.4. Có ghi chép đầy đủ và lưu giữ các thông tin về xuất, nhập và sử dụng thức ăn, các thông tin khi sử dụng kháng sinh trộn vào thức ăn.

3.5. Nguồn nước cho chăn nuôi lợn phải đảm bảo an toàn.

4. Chăm sóc, nuôi dưỡng

4.1. Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: cả khu, dãy chuồng, ô chuồng. Có quy trình chăn nuôi cho từng loại lợn theo mục đích sử dụng.

4.2. Nên áp dụng phương thức nuôi khô, không sử dụng nước tắm cho lợn.

4.3. Nên sử dụng các chế phẩm sinh học trong nước uống, độn chuồng và định kỳ phun sương trong chuồng nuôi theo hướng dẫn của nhà sản xuất để tăng cường phòng, chống dịch.

5. Vệ sinh chăn nuôi và kiểm soát người ngoài ra, vào trại.

5.1. Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng.

5.2. Người trước khi vào khu chăn nuôi phải được cách ly ít nhất 72 tiếng. Người trước khi vào khu chăn nuôi phải tắm gội, thay quần áo, giày dép và mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng, khi di chuyển trong trại theo thứ tự: khu lợn nái nuôi con, lợn cai sữa, nái chữa, lợn thịt.

5.3. Trước và sau khi vào, ra chuồng nuôi lợn phải thay ủng, sát trùng tay.

5.4. Ngay sau khi khách rời khỏi chuồng nuôi, cần phun thuốc sát trùng khu vực chuồng nuôi với nồng độ cao gấp 2-3 lần so với quy trình thông thường.

5.5. Công nhân chăn nuôi lợn phải ăn, ở tại trại tối thiểu 4 tuần sau đó mới thay đổi; không đưa thực phẩm tươi sống từ ngoài vào trại;

5.6. Bố trí người chăn nuôi và cán bộ kỹ thuật, phương tiện vận chuyển thức ăn cho từng khu sản xuất.

5.7. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc sát trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên lợn ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

5.8. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

5.9. Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

5.10. Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn mới vào nuôi. Trong trường hợp chuồng bị dịch, nếu tái đàn nên để trống chuồng ít nhất 30 ngày và được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

5.11. Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên.

6. Kiểm soát phương tiện vận chuyển, trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi

6.1. Không để các phương tiện vận chuyển từ nơi khác đi thẳng vào trại nuôi lợn. Đặc biệt, không để phương tiện vận chuyển của thương lái, phương tiện vận chuyển thức ăn đến khu vực nuôi lợn. Phương tiện vận chuyển phải dừng ở bên ngoài trại để vệ sinh, sát trùng, tiêu độc 02 lần (cách nhau 30 phút) trước khi vào.

6.2. Không vận chuyển lợn, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện.

7. Xử lý chất thải chăn nuôi

7.1. Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý bằng nhiệt, hoặc bằng hoá chất, hoặc bằng chế phẩm sinh học phù hợp. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài phải được xử lý đảm bảo vệ sinh theo quy định hiện hành của cơ quan thú y.

7.2. Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Chất thải lỏng phải được xử lý bằng hoá chất hoặc bằng phương pháp xử lý sinh học phù hợp. Nước thải sau khi xử lý, thải ra môi trường phải đảm bảo theo quy định hiện hành.

8. Quản lý dịch bệnh

8.1. Có hồ sơ theo dõi đàn lợn về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn lợn. Có quy trình phòng bệnh phù hợp cho các đối tượng lợn và thực hiện đúng quy trình.

8.2. Khi có lợn ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý; ngừng xuất lợn giống và kiểm soát chặt việc xuất sản phẩm, vật tư trong khu chăn nuôi lợn ra ngoài theo quy định.

8.3. Khi xảy ra dịch tại ô chuồng hay cả chuồng cần tiêu độc, khử trùng tại chỗ:

- Cần che bạt, bao vây kín ô chuồng hoặc cả chuồng, với lợn nuôi con loại ngay nái và toàn bộ lợn con, đối với các loại lợn khác loại toàn bộ ô chuồng hoặc cả chuồng nếu dịch xảy ra cả chuồng hoặc cả ô chuồng.

- Lợn bệnh phải tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Không rửa ngay ô chuồng hoặc chuồng lợn bị bệnh, tiến hành che bạt, bao vây kín, phun chất sát trùng đậm gấp 2 lần bình thường liên tục 3-4 ngày, sau đó rửa lại bằng nước sạch, tránh làm bắn nước sang ô chuồng hoặc chuồng kế bên, tiếp tục phun sát trùng 2-3 ngày.

8.4. Bao bì, dụng cụ đựng thức ăn của đàn lợn bị dịch bệnh phải được tiêu độc, khử trùng.

9. Ghi chép và kiểm tra nội bộ.

9.1. Trang trại chăn nuôi lợn phải lập sổ, ghi chép theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi.

9.2. Chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác ATSH định kỳ.

C. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH TRONG THỨC ĂN CHO LỢN

1. Nguyên tắc sử dụng thức ăn có bổ sung chế phẩm vi sinh

- Chế phẩm vi sinh bao gồm chế phẩm probiotic (lợi khuẩn) và enzyme.
- Khi bổ sung chế phẩm vi sinh là probiotic thì không nên dùng kháng sinh vì kháng sinh làm mất tác dụng của vi sinh vật và giảm hiệu quả sử dụng thức ăn.
- Cơ sở chăn nuôi có thể tự trộn thức ăn tại trại hoặc sử dụng thức ăn công nghiệp mua từ cơ sở sản xuất có uy tín, đảm bảo chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc.
- Các biện pháp an toàn sinh học phải luôn đảm bảo theo quy trình hướng dẫn của cơ quan chuyên môn hoặc nhà cung cấp sản phẩm.

2. Hướng dẫn sử dụng thức ăn có bổ sung chế phẩm vi sinh

2.1. Giai đoạn 1 (lợn có khối lượng dưới 20 kg):

Ở giai đoạn này, cơ sở chăn nuôi nên sử dụng thức ăn công nghiệp mua từ những cơ sở sản xuất có uy tín, đảm bảo chất lượng và an toàn. Bổ sung chế phẩm vi sinh theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.2. Giai đoạn 2 (lợn có khối lượng từ 20 kg trở lên):

Ở giai đoạn này có thể sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc thức ăn tự phối trộn.

Thức ăn tự phối trộn từ những nguyên liệu thông dụng, sẵn có tại địa phương, không nên sử dụng nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc động vật (ngoại trừ bột cá). Trước khi chế biến, cơ sở cần lập công thức thức ăn (khẩu phần cơ sở) theo từng giai đoạn sinh trưởng đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho lợn.

Dưới đây là hướng dẫn các bước tự sản xuất thức ăn chăn nuôi (khẩu phần cơ sở) và sử dụng chế phẩm vi sinh trong thức ăn chăn nuôi tại cơ sở chăn nuôi:

Bước 1: Lựa chọn nguyên liệu thức ăn trước khi sản xuất

- Cần chọn nguyên liệu đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Nguyên liệu phải mới, khô, không bị mốc. Không mua quá nhiều nguyên liệu để dự trữ tại cơ sở chăn nuôi.
- Nguyên liệu bảo quản ở nơi khô ráo, cách xa chuồng nuôi. Kiểm tra chất lượng nguyên liệu theo định kỳ.

Bước 2: Phối trộn thức ăn (khẩu phần cơ sở)

Tùy theo loại nguyên liệu thức ăn sử dụng, cơ sở lập công thức thức ăn theo nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi theo các giai đoạn sinh trưởng và phát triển phù hợp hoặc từ khi bắt đầu cho ăn thức ăn có bổ sung chế phẩm vi sinh đến khi xuất chuồng.

Dưới đây là khuyến cáo một số công thức thức ăn (khẩu phần cơ sở) giai đoạn lợn có khối lượng từ 20 kg đến khi xuất chuồng:

Bảng 1: Khẩu phần cơ sở cho lợn thịt

TT	Nội dung	Khẩu phần cơ sở	
		Công thức 1 (%)	Công thức 2 (%)
I	TÊN NGUYÊN LIỆU		
1	Ngô	63,5	51,5
2	Khô đậu tương	20,0	22,0
3	Cám gạo/cám mỳ/cám mạch	10,0	10,0
4	Bột cá (cá khô)	5,0	5,0
5	Sắn khô	-	10
6	Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin (premix)	1,5	1,5
II	THÀNH PHẦN HÓA HỌC		
1	Năng lượng trao đổi (ME, Kcal/kg)	3.100	
2	Protein thô (%)	18,5	
3	Lysine (%)	0,94	
4	Methioine + Cysteine (%)	0,58	

Bước 3: Sử dụng chế phẩm vi sinh trong khẩu phần cơ sở

Tùy theo khuyến cáo của nhà sản xuất về sử dụng chế phẩm vi sinh trong khẩu phần cơ sở mà cơ sở chăn nuôi có thể áp dụng quy trình ủ thức ăn trước khi cho ăn hoặc cho ăn trực tiếp. Dưới đây là khuyến cáo sử dụng một số chế phẩm vi sinh trong khẩu phần cơ sở:

*** Sử dụng chế phẩm vi sinh là nấm men hoạt tính *Saccharomyces* trong khẩu phần cơ sở:**

Thức ăn hỗn hợp theo công thức ở Bảng 1 được trộn đều với nước sạch và chế phẩm theo tỷ lệ 800 kg thức ăn hỗn hợp + 200 kg nước sạch + 2 kg chế phẩm vi sinh *Fodder Yeast*. Hỗn hợp này sau đó được đưa vào thùng nhựa hoặc thùng phuy đậy kín (trường hợp không có thùng nhựa/phuy thì dùng túi ni lông buộc kín) để ủ trong nhà thông thoáng, đảm bảo tránh mưa, nắng. Sau khi ủ ít nhất 07 ngày (mùa hè) và 10 ngày (mùa đông) thì bắt đầu sử dụng. Sản phẩm sau khi ủ có thể sử dụng trong 03 – 06 tháng.

Yêu cầu thức ăn sau khi ủ: Thức ăn đảm bảo đồng đều, ẩm, tơi xốp, giữ được màu sắc ban đầu và có mùi thơm.

*** Sử dụng chế phẩm sinh học là vi khuẩn *Lactic* trong khẩu phần cơ sở:**

- Thức ăn hỗn hợp theo công thức ở Bảng 1 được trộn đều với chế phẩm vi sinh "*Lacto Powder T*" theo tỷ lệ 2 kg/tấn. Bảo quản thức ăn ở nơi khô thoáng tối đa là 02 tháng. Hằng ngày trộn thức ăn hỗn hợp (đã bổ sung chế phẩm vi sinh) với nước sạch theo tỷ lệ 20 kg thức ăn với 10 kg nước sạch (2:1), sau đó đặt vào thùng, ủ 24 – 36 giờ trước khi sử dụng. Sản phẩm sau khi ủ nên sử dụng trong ngày.

Yêu cầu sản phẩm: Sản phẩm đồng đều, giữ được màu sản phẩm, có mùi thơm.

*** Sử dụng chế phẩm sinh học là bào tử *Bacillus* trong khẩu phần cơ sở:**

Nguyên tắc sử dụng chế phẩm vi sinh có chứa bào tử *Bacillus* theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Dưới đây là ví dụ một số chế phẩm vi sinh chứa bào tử *Bacillus*:

- Chế phẩm "Powerzyme 100": có nguồn gốc từ Korea, bổ sung 0,5 kg/tấn

- Một số chế phẩm vi sinh chứa bào tử *Bacillus* được sản xuất trong nước:

+ Chế phẩm "Bacillus Weaner": bổ sung 0,2-0,4 kg/tấn.

+ Chế phẩm "NeoPig Top Gold": bổ sung 0,5 kg/tấn.

+ Chế phẩm "NeoEnvi": bổ sung 0,5 kg/tấn.

*** Sử dụng chế phẩm sinh học là enzyme trong khẩu phần cơ sở:**

- Chế phẩm Kangjantai chứa enzyme Lysozym: Cách sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bổ sung 1-2 kg/tấn

- Chế phẩm enzyme tiêu hóa: Ví dụ sản phẩm "Natuzyyme Feed Enzyme for Pig and poultry", bổ sung 0,5 kg/tấn.

3. Một số lưu ý

- Ngoài khẩu phần cơ sở ở Bảng 1, các cơ sở chăn nuôi có thể lập khẩu phần thức ăn theo điều kiện của cơ sở và nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương theo một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn nuôi dưỡng. Trường hợp không tự phối trộn thức ăn thì có thể sử dụng thức ăn công nghiệp đảm bảo nguyên tắc không có kháng sinh, chất lượng tốt và truy xuất được nguồn gốc.

- Chế phẩm vi sinh chỉ phát huy tác dụng khi nó được sử dụng đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất vì bản chất chúng là vi sinh vật nên phải có một môi trường phù hợp (ví dụ không dùng chung với kháng sinh).

- Ngoài các chế phẩm vi sinh ví dụ nêu trên, các cơ sở chăn nuôi có thể tìm mua các sản phẩm vi sinh khác được phép lưu hành tại Việt Nam, đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc rõ ràng.

- Chế phẩm vi sinh ngoài việc bổ sung vào thức ăn còn có thể sử dụng bổ sung vào nước uống, đệm lót và phun trong không khí chuồng nuôi khi có dịch bệnh theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đề nghị các Sở Nông nghiệp và PTNT tham khảo, khuyến cáo thực hiện tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học để đảm bảo công tác phòng, chống bệnh DTLCP được tốt hơn./ok

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- BCĐQG phòng, chống bệnh DTLCP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ;
- Chi cục CNTY các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến